

Số: 11/2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 125/2004/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố, tiếp nhận, truyền phát và xử lý thông tin an ninh hàng hải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ quy định Sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 (Công ước SOLAS 74) ban hành kèm theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 125/2004/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố, tiếp nhận, truyền phát và xử lý thông tin an ninh hàng hải như sau:

1. Điều 5 được sửa đổi như sau:

"Điều 5. Cơ quan công bố cấp độ, thay đổi cấp độ và hướng dẫn, bảo đảm các biện pháp an ninh cần áp dụng đối với tàu biển, cảng biển

1. Cục Cảnh sát biển - Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là Cục Cảnh sát biển) chịu trách nhiệm công bố cấp độ, thay đổi cấp độ theo quy định tại Điều 3 Quyết định này; đồng thời chịu trách nhiệm hướng dẫn và bảo đảm theo chức năng quy định các biện pháp an ninh cần áp dụng đối với tàu biển đang hoạt động tại vùng biển Việt Nam, tàu biển đang neo đậu tại cảng dầu khí ngoài khơi và cảng dầu khí ngoài khơi khi có khả năng xảy ra hoặc thực tế đã xảy ra sự cố an ninh trên tàu biển và tại cảng dầu khí ngoài khơi.

2. Cục Bảo vệ chính trị V- Bộ Công an (sau đây gọi tắt là Cục A42) chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết cho Cục Cảnh sát biển để công bố cấp độ, thay đổi cấp độ đối với cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi, đồng thời hướng dẫn và bảo đảm theo chức năng quy định các biện pháp an ninh cần áp dụng đối với cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi và tàu biển neo đậu tại cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi khi có khả năng xảy ra hoặc thực tế đã xảy ra sự cố an ninh tại các cảng biển đó.”

2. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thành lập Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải (sau đây gọi tắt là Trung tâm) trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, với trang thiết bị liên lạc theo quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) và được biên chế bảo đảm trực 24/24 giờ hàng ngày.

2. Trung tâm có trách nhiệm:

a) Là đầu mối tiếp nhận thông tin về cấp độ, thay đổi cấp độ và các biện pháp an ninh cần áp dụng từ Cục Cảnh sát biển và Cục A42 để truyền phát đến tàu biển, cảng biển và cho các cơ quan có liên quan khác của Việt Nam cũng như cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, nếu được yêu cầu;

b) Tiếp nhận các thông tin an ninh hàng hải từ tàu biển, cảng biển và tổ chức, cá nhân khác hoặc từ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Phối hợp với các cơ quan có liên quan xác minh thông tin và thông báo kịp thời cho Cục Cảnh sát biển, Cục A42 và các cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam. Trường hợp tiếp nhận thông tin từ tàu biển nước ngoài phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền của nước đó đồng thời thông báo cho Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao (sau đây gọi tắt là Cục Lãnh sự). Trong trường hợp Trung tâm không thể liên lạc với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mà tàu mang cờ quốc tịch thì sẽ thông qua Cục Lãnh sự để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

c) Thực hiện chức năng đầu mối về thông tin an ninh hàng hải giữa Việt Nam với các tổ chức an ninh hàng hải quốc tế;

d) Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và tổ chức có liên quan về “báo động an ninh” từ tàu biển nhưng nội dung của “báo động an ninh” này không đúng với tình trạng thực tế về an ninh hàng hải, khi cần thiết;

đ) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và tổ chức có liên quan thực hiện các công việc khác liên quan đến thông tin an ninh hàng hải.”

3. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 6 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Khi nhận được "báo động an ninh" từ tàu biển hoặc yêu cầu hỗ trợ bảo đảm an ninh từ tàu biển đang hoạt động tại vùng biển Việt Nam, từ cảng dầu khí ngoài khơi hoặc từ cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu mang cờ quốc tịch thì Trung tâm phải phối hợp với các cơ quan có liên quan xác minh thông tin, sau đó chuyển tiếp kịp thời đến Cục Cảnh sát biển.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Khi nhận được thông tin có khả năng ảnh hưởng đến an ninh cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi, cán bộ an ninh cảng biển phải thông báo ngay cho cơ quan do Cục A42 chỉ định tại địa phương để kịp thời xử lý và Bộ đội Biên phòng cửa khẩu cảng biển để phối hợp; đồng thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải tại khu vực đó và Trung tâm biết để kịp thời phối hợp xử lý.”

c) Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Cục Cảnh sát biển và Cục A42 có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm biết kết quả xử lý thông tin an ninh hàng hải.”

4. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 5; Điều 7; khoản 1 Điều 8; khoản 2 và khoản 6 Điều 9 Quyết định này. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các lực lượng có liên quan thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 9 Quyết định này.”

b) Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giao Cục Cảnh sát biển chủ trì, phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan, tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải tại các cảng dầu khí ngoài khơi và trên tàu biển đang hoạt động tại lãnh hải Việt Nam.”

5. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 5; Điều 7; khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều 9 Quyết định này.

2. Bảo đảm theo chức năng quy định các biện pháp an ninh phù hợp để giải quyết nhanh chóng, kịp thời, có hiệu quả nhằm hạn chế tối đa các tổn thất khi sự cố an ninh xảy ra hoặc có khả năng xảy ra tại cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi và trên tàu biển hoạt động tại cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi.

3. Giao Cục A42 chủ trì, phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan tổ chức huấn luyện nghiệp vụ bảo đảm an ninh hàng hải cho cán bộ an ninh cảng biển và phối hợp tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải tại các cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi và trên tàu biển đang neo đậu tại cảng biển trừ cảng dầu khí ngoài khơi.”

6. Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi như sau:

“1. Chỉ đạo Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức Trung tâm thông tin an ninh hàng hải với biên chế, trang thiết bị thông tin theo hướng dẫn của Tổ chức Hàng hải quốc tế để bảo đảm hoạt động có hiệu quả 24/24 giờ trong ngày.”

7. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Trách nhiệm của công ty tàu biển, doanh nghiệp cảng biển

1. Phối hợp với Trung tâm và các cơ quan có liên quan kịp thời xác minh thông tin an ninh hàng hải và tình trạng thực tế của “báo động an ninh” phát ra từ tàu biển của công ty.

2. Cung cấp kịp thời cho Trung tâm địa chỉ liên lạc của công ty, doanh nghiệp và danh sách cán bộ an ninh cảng biển; danh sách cán bộ an ninh công ty tàu biển và danh sách tàu biển do công ty quản lý, khai thác.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để hệ thống báo động an ninh của tàu biển thuộc công ty mình quản lý, khai thác phát “báo động an ninh” không đúng với tình trạng an ninh thực tế.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định của Quyết định này và các văn bản pháp luật có liên quan khác.”

8. Sửa đổi một số từ ngữ tại một số Điều của Quyết định số 125/2004/QĐ-TTg như sau:

a) Thay các cụm từ “cảng dầu thô ngoài khơi” bằng cụm từ “cảng dầu khí ngoài khơi” tại các Điều 5, 9, 10 và Điều 11;

b) Thay cụm từ “cơ quan do Bộ Quốc phòng chỉ định” bằng cụm từ “Cục Cảnh sát biển” và cụm từ “cơ quan do Bộ Công an chỉ định” bằng cụm từ “Cục A42” tại các Điều 5, 6, 7, 8 và Điều 9;

c) Thay cụm từ “Bộ Ngoại giao” và “con đường ngoại giao” bằng cụm từ “Cục Lãnh sự” tại các Điều 6, 8 và Điều 9;

d) Thay cụm từ “cơ quan chức năng” bằng cụm từ “Trung tâm” tại điểm c khoản 2 Điều 8;

đ) Bỏ cụm từ “Bộ Quốc phòng có trách nhiệm” tại khoản 1 Điều 10;

e) Bỏ cụm từ “Bộ Công an có trách nhiệm” tại khoản 1 Điều 11.

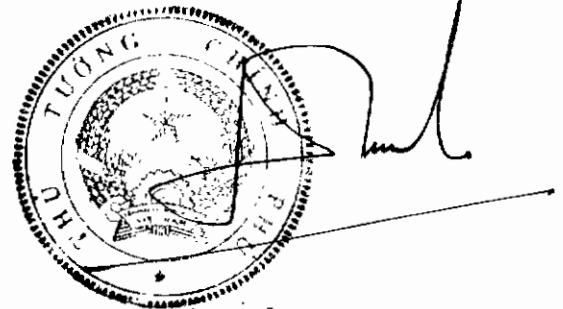
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2009.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). 290

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng